

UBND THỊ XÃ AN NHƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Nhơn, ngày 04 tháng 07 năm 2022

Số: 236/BQLDA ĐTXD & PTQĐ

Về việc đăng tải công khai
trên Trang Thông tin điện tử về
thông báo đấu giá quyền sử dụng đất
tại các Khu, Điểm quy hoạch dân cư
trên địa bàn thị xã An Nhơn

SỞ TÀI CHÍNH BÌNH ĐỊNH

ĐẾN Số: 11668
Ngày: 06/7/2022
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:

- Sở Tài chính Bình Định;
- Sở Tư pháp Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 2345/STC-QLGCS ngày 27/9/2018 của Sở Tài chính Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính;

Căn cứ Văn bản số 1092/STP-BTTP ngày 18/12/2018 của Sở Tư pháp Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

Thực hiện Quyết định và các Văn bản nêu trên, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn thông báo đấu giá quyền sử dụng đất 178 lô đất trên địa bàn thị xã An Nhơn, cụ thể như sau:

1. Số lượng lô đất và địa chỉ lô đất:

- 03 lô đất ở tại Khu dân cư xen kẹt khu vực An Lộc (Điểm dân cư khu vực An Lộc), phường Nhơn Hoà, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 05 lô đất ở tại Điểm quy hoạch dân cư đối diện nhà máy nước sạch thuộc khu vực Kim Châu, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 16 lô đất ở tại Điểm dân cư đội 4, khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 22 lô đất ở tại Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 61 lô đất ở Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 71 lô đất ở Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

2. Ký hiệu, vị trí, lộ giới, diện tích, giá khởi điểm, khoản tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá và bước giá của từng lô đất: Có bảng kê lập kèm theo

3. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất: Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương, địa chỉ: Lô DC 1a-13 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Website: www.daugiataisandongduong.com).

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

a. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 24/7/2022, gồm 36 lô đất, trong đó: Khu dân cư xen kẹt khu vực An Lộc (Điểm dân cư khu vực An Lộc), phường Nhơn Hoà 03 lô, gồm: Từ lô số A01 đến lô số A03; Điểm dân cư đội 4, khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá - 08 lô (Khu OLK), gồm: Từ lô số 01 đến lô số 08; Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân, xã Nhơn Tân - 08 lô (Khu A), gồm: Từ lô số 01 đến lô số 08; Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 09 lô (Khu A), gồm: Từ lô số A1 đến lô số A9 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ 08 lô - Khu D, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 08; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 21/7/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 20/7/2022 đến 16 giờ ngày 21/7/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 21/7/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 24/7/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

b. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 31/7/2022, gồm 36 lô đất, trong đó: Điểm quy hoạch dân cư đối diện nhà máy nước sạch thuộc khu vực Kim Châu, phường Bình Định - 05 lô (Khu A), gồm: Từ lô số 07 đến lô số 11; Điểm dân cư đội 4, khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá - 08 lô, trong đó: 04 lô - Khu OLK, gồm: Từ lô số 09 đến lô số 12; 04 lô - Khu OBT, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 04; Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân, xã Nhơn Tân - 07 lô (Khu A), gồm: Từ lô số 09 đến lô số 15; Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 07 lô (Khu A), gồm: Từ lô số A10 đến lô số A16 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ - 09 lô (Khu D), gồm: Từ lô số 09 đến lô số 17; Các lô đất còn lại thuộc các Khu, điểm dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 24/7/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 28/7/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 27/7/2022 đến 16 giờ ngày 28/7/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 28/7/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 31/7/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

c. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 07/8/2022, gồm 36 lô đất, trong đó: Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân, xã Nhơn Tân - 07 lô (Khu A), gồm: Từ lô số 16 đến lô số 22; Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 14 lô (Khu C), gồm: Từ lô số C1 đến lô số C14 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ 15 lô – Khu D, gồm: Từ lô số 18 đến lô số 32; Các lô đất còn lại thuộc các Khu, điểm dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 31/7/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 04/8/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 03/8/2022 đến 16 giờ ngày 04/8/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 04/8/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 07/8/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

d. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 14/8/2022, gồm 35 lô đất, trong đó: Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 21 lô (Khu C), gồm: Từ lô số C15 đến lô số C35 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ - 14 lô (Khu C), gồm: Lô số 01; Từ lô số 08 đến lô số 20; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 07/8/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 11/8/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 10/8/2022 đến 16 giờ ngày 11/8/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 11/8/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 14/8/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

e. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 21/8/2022, gồm 35 lô đất, trong đó: Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 20 lô; trong đó: 07 lô - Khu A, gồm: Từ lô số A17 đến lô số A23; 13 lô - Khu C, gồm: Từ lô số C36 đến lô số C43; từ lô số C50 đến lô số C54 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Trảng, xã Nhơn Mỹ - 15 lô; trong đó: 05 lô - Khu A, gồm: Từ lô số 04 đến lô số 08; 10 lô - Khu C, gồm: Từ lô số 21 đến lô số 30; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 14/8/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 18/8/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 17/8/2022 đến 16 giờ ngày 18/8/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 18/8/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 21/8/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

f. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở và công bố giá vào các ngày chủ nhật hàng tuần sau ngày 21/8/2022 (Các lô đất còn lại thuộc các Khu, điểm dân cư nêu trên do không có người tham gia đấu giá), cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục đến 16 giờ ngày thứ 5 hàng tuần tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn);

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày thứ 5 hàng tuần;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ ngày chủ nhật hàng tuần tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

Để tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ

đất thị xã An Nhơn kính đề nghị Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định.

(Cụ thể có bảng kê Thông báo đấu giá và hồ sơ pháp lý kèm theo)

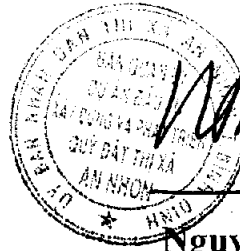
Rất mong sự phối hợp thực hiện của quý Sở để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Địa chỉ liên hệ: Số 75 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn; Điện thoại: 0256.3735.456) ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

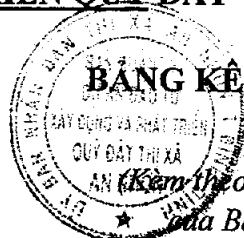
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hồng

UBND THỊ XÃ AN NHƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BẢNG KÊ CÁC LÔ ĐẤT THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN**

(Kèm theo Công văn số: 236 /BQLĐAĐTXD&PTQĐ, ngày 04 tháng 07 năm 2022
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn)

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Khu dân cư xen kẹt khu vực An Lộc (Điểm dân cư khu vực An Lộc), phường Nhơn Hoà										
1	A01	116.50	Đường Lê Quý Đôn	24.0	7,000,000	815,500,000	156,000,000	500,000	41,000,000	
2	A02	129.40	"	"	7,000,000	905,800,000	156,000,000	500,000	46,000,000	
3	A03	112.10	"	"	7,000,000	784,700,000	156,000,000	500,000	40,000,000	
Cộng		358.00	-	-	-	2,506,000,000	468,000,000	-	-	
Điểm quy hoạch dân cư đối diện nhà máy nước sạch thuộc khu vực Kim Châu, phường Bình Định (Khu A)										
4	7	168.80	Đường QH DS 1	12.0	2,800,000	472,640,000	91,000,000	200,000	34,000,000	
5	8	167.40	"	"	2,800,000	468,720,000	91,000,000	200,000	33,000,000	
6	9	166.00	"	"	2,800,000	464,800,000	91,000,000	200,000	33,000,000	
7	10	164.70	"	"	2,800,000	461,160,000	91,000,000	200,000	33,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	11	163.30	"	"	2,800,000	457,240,000	91,000,000	200,000	33,000,000	
Cộng		830.20	-	-	-	2,324,560,000	455,000,000	-	-	
Điểm dân cư Đội 4, khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá (Khu OBT)										
9	1	220.60	Đường QH DS2	16.0	8,400,000	1,853,040,000	370,000,000	500,000	93,000,000	Lô góc
10	2	200.00	"	"	7,000,000	1,400,000,000	280,000,000	500,000	70,000,000	
11	3	200.00	"	"	7,000,000	1,400,000,000	280,000,000	500,000	70,000,000	
12	4	229.70	"	"	8,400,000	1,929,480,000	385,000,000	500,000	97,000,000	Lô góc
Cộng		850.30	-	-	-	6,582,520,000	1,315,000,000	-	-	
Điểm dân cư Đội 4, khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá (Khu OLK)										
13	1	125.20	Đường QH DS1	16.0	7,000,000	876,400,000	166,000,000	500,000	44,000,000	
14	2	131.50	"	"	7,000,000	920,500,000	166,000,000	500,000	47,000,000	
15	3	137.80	"	"	7,000,000	964,600,000	166,000,000	500,000	49,000,000	
16	4	144.20	"	"	7,000,000	1,009,400,000	166,000,000	500,000	51,000,000	
17	5	133.70	"	"	7,000,000	935,900,000	166,000,000	500,000	47,000,000	
18	6	120.00	"	"	7,000,000	840,000,000	166,000,000	500,000	42,000,000	
19	7	118.60	Đường QH DS4	13.0	7,000,000	830,200,000	166,000,000	500,000	42,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
20	8	132.80	Đường QH DS3	13.0	7,000,000	929,600,000	166,000,000	500,000	47,000,000	
21	9	130.20	"	"	7,000,000	911,400,000	166,000,000	500,000	46,000,000	
22	10	126.80	"	"	7,000,000	887,600,000	166,000,000	500,000	45,000,000	
23	11	123.30	"	"	7,000,000	863,100,000	166,000,000	500,000	44,000,000	
24	12	119.90	"	"	7,000,000	839,300,000	166,000,000	500,000	42,000,000	
Cộng		1,544.0	-	-	-	10,808,000,000	1,992,000,000	-	-	

Khu dân cư trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân, xã Nhơn Tân (Khu A)

25	1	172.40	Đường quốc lộ 19 (Đường gom rộng 7m)	26.0	7,500,000	1,293,000,000	210,000,000	500,000	65,000,000	
26	2	142.30	"	"	7,500,000	1,067,250,000	210,000,000	500,000	54,000,000	
27	3	127.00	"	"	7,500,000	952,500,000	190,000,000	500,000	48,000,000	
28	4	127.70	"	"	7,500,000	957,750,000	190,000,000	500,000	48,000,000	
29	5	140.70	"	"	8,250,000	1,160,775,000	210,000,000	500,000	59,000,000	Lô góc
30	6	175.40	Đường QH ĐS1	18.0	5,600,000	982,240,000	190,000,000	500,000	50,000,000	
31	7	187.40	"	"	5,600,000	1,049,440,000	190,000,000	500,000	53,000,000	
32	8	199.30	"	"	5,600,000	1,116,080,000	210,000,000	500,000	56,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
33	9	209.50	"	"	5,600,000	1,173,200,000	210,000,000	500,000	59,000,000	
34	10	217.90	"	"	5,600,000	1,220,240,000	210,000,000	500,000	62,000,000	
35	11	223.80	"	"	5,600,000	1,253,280,000	210,000,000	500,000	63,000,000	
36	12	231.10	"	"	5,600,000	1,294,160,000	210,000,000	500,000	65,000,000	
37	13	242.20	"	"	5,600,000	1,356,320,000	210,000,000	500,000	68,000,000	
38	14	243.60	"	"	5,600,000	1,364,160,000	210,000,000	500,000	69,000,000	
39	15	206.30	"	"	5,600,000	1,155,280,000	210,000,000	500,000	58,000,000	
40	16	194.60	"	"	5,600,000	1,089,760,000	210,000,000	500,000	55,000,000	
41	17	220.70	"	"	5,600,000	1,235,920,000	210,000,000	500,000	62,000,000	
42	18	168.50	Đường QH ĐS4	18.0	7,700,000	1,297,450,000	210,000,000	500,000	65,000,000	Lô góc
43	19	151.30	"	"	7,000,000	1,059,100,000	210,000,000	500,000	53,000,000	
44	20	151.30	"	"	7,000,000	1,059,100,000	210,000,000	500,000	53,000,000	
45	21	151.30	"	"	7,000,000	1,059,100,000	210,000,000	500,000	53,000,000	
46	22	160.80	"	"	7,000,000	1,125,600,000	210,000,000	500,000	57,000,000	
Cộng		4,045.10	-	-	-	25,321,705,000	4,540,000,000	-	-	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh (Khu A)										
47	A1	118.00	Đường QH ĐS1 (Đường gom lộ giới 14m)	18.5	8,250,000	973,500,000	163,000,000	500,000	49,000,000	Lô góc
48	A2	126.00	Đường QH ĐS7	20.0	6,500,000	819,000,000	163,000,000	500,000	41,000,000	
49	A3	108.00	"	"	6,500,000	702,000,000	140,000,000	500,000	36,000,000	
50	A4	108.00	"	"	6,500,000	702,000,000	140,000,000	500,000	36,000,000	
51	A5	126.00	"	"	6,500,000	819,000,000	163,000,000	500,000	41,000,000	
52	A6	118.00	"	"	7,150,000	843,700,000	163,000,000	500,000	43,000,000	Lô góc
53	A7	120.00	Đường QH ĐS3	14.0	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
54	A8	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
55	A9	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
56	A10	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
57	A11	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
58	A12	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
59	A13	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
60	A14	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
61	A15	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
62	A16	168.50	Đường QH ĐS1 (Đường gom lộ giới 14m)	18.5	8,250,000	1,390,125,000	278,000,000	500,000	70,000,000	Lô góc
63	A17	262.10	"	"	7,500,000	1,965,750,000	393,000,000	500,000	99,000,000	
64	A18	116.20	"	"	7,500,000	871,500,000	163,000,000	500,000	44,000,000	
65	A19	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
66	A20	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
67	A21	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
68	A22	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
69	A23	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
Cộng		2,930.80	-	-	-	20,606,575,000	4,070,000,000	-	-	

Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh (Khu C)

70	C1	118.00	Đường QH ĐS1 (Đường gom lộ giới 14m)	18.5	8,250,000	973,500,000	163,000,000	500,000	49,000,000	Lô góc
71	C2	126.00	Đường QH ĐS7	20.0	6,500,000	819,000,000	163,000,000	500,000	41,000,000	
72	C3	108.00	"	"	6,500,000	702,000,000	140,000,000	500,000	36,000,000	
73	C4	108.00	"	"	6,500,000	702,000,000	140,000,000	500,000	36,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
74	C5	126.00	"	"	6,500,000	819,000,000	163,000,000	500,000	41,000,000	
75	C6	118.00	"	"	7,150,000	843,700,000	163,000,000	500,000	43,000,000	Lô góc
76	C7	120.00	Đường QH ĐS3	14.0	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
77	C8	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
78	C9	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
79	C10	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
80	C11	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
81	C12	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
82	C13	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
83	C14	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
84	C15	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
85	C16	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
86	C17	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
87	C18	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
88	C19	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
89	C20	110.00	"	"	5,500,000	605,000,000	121,000,000	500,000	31,000,000	
90	C21	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
91	C22	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
92	C23	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
93	C24	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
94	C25	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
95	C26	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
96	C27	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
97	C28	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
98	C29	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
99	C30	112.00	"	"	6,050,000	677,600,000	132,000,000	500,000	34,000,000	Lô góc
100	C31	112.00	Đường QH ĐS2	14.0	6,050,000	677,600,000	132,000,000	500,000	34,000,000	Lô góc
101	C32	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
102	C33	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
103	C34	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
104	C35	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
105	C36	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
106	C37	120.00	"	"	5,500,000	660,000,000	132,000,000	500,000	33,000,000	
107	C38	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
108	C39	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
109	C40	120.00	"	"	6,500,000	780,000,000	156,000,000	500,000	39,000,000	
110	C41	110.00	"	"	6,500,000	715,000,000	143,000,000	500,000	36,000,000	
111	C42	110.00	"	"	6,500,000	715,000,000	143,000,000	500,000	36,000,000	
112	C43	110.00	"	"	6,500,000	715,000,000	143,000,000	500,000	36,000,000	
113	C50	110.00	Đường QH ĐS1 (Đường gom lộ giới 14m)	18.5	7,500,000	825,000,000	163,000,000	500,000	42,000,000	
114	C51	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
115	C52	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
116	C53	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
117	C54	120.00	"	"	7,500,000	900,000,000	180,000,000	500,000	45,000,000	
Cộng		5,588.00	-	-	-	33,714,400,000	6,694,000,000	-	-	
Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ (Khu A)										
118	4	110.30	Đường QH ĐS1	20.0	7,700,000	849,310,000	168,000,000	500,000	43,000,000	Lô góc
119	5	120.30	"	"	7,000,000	842,100,000	168,000,000	500,000	43,000,000	
120	6	122.10	"	"	7,000,000	854,700,000	168,000,000	500,000	43,000,000	
121	7	123.90	"	"	7,000,000	867,300,000	168,000,000	500,000	44,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
122	8	125.70	"	"	7,000,000	879,900,000	168,000,000	500,000	44,000,000	
Cộng		602.30	-	-	-	4,293,310,000	840,000,000	-	-	

Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Trảng, xã Nhơn Mỹ (Khu C)

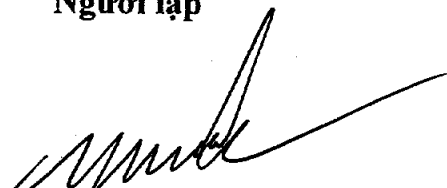
123	1	109.10	Đường QH DS2	14.0	4,400,000	480,040,000	96,000,000	200,000	34,000,000	Lô góc
124	8	132.00	Đường QH DS4	14.0	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
125	9	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
126	10	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
127	11	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
128	12	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
129	13	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
130	14	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
131	15	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
132	16	134.50	Đường QH DS7	14.0	4,400,000	591,800,000	105,000,000	500,000	30,000,000	Lô góc
133	17	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	96,000,000	200,000	35,000,000	
134	18	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	96,000,000	200,000	35,000,000	
135	19	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	96,000,000	200,000	35,000,000	
136	20	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	96,000,000	200,000	35,000,000	
137	21	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	96,000,000	200,000	35,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
138	22	134.50	"	"	4,400,000	591,800,000	105,000,000	500,000	30,000,000	Lô góc
139	23	132.00	Đường QH DS5	14.0	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
140	24	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
141	25	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
142	26	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
143	27	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
144	28	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
145	29	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
146	30	132.00	"	"	4,000,000	528,000,000	105,000,000	500,000	27,000,000	
Cộng		3,102.10	-	-	-	12,559,640,000	2,466,000,000	-	-	
Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ (Khu D)										
147	1	134.50	Đường QH DS6	14.0	4,950,000	665,775,000	120,000,000	500,000	34,000,000	Lô góc
148	2	122.40	Đường QH DS2	14.0	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
149	3	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
150	4	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
151	5	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
152	6	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	

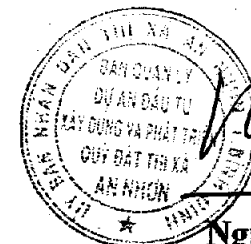
STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
153	7	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
154	8	134.50	"	"	4,400,000	591,800,000	97,000,000	500,000	30,000,000	Lô góc
155	9	150.00	Đường QH DS5	14.0	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
156	10	150.00	"	"	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
157	11	150.00	"	"	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
158	12	150.00	"	"	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
159	13	150.00	"	"	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
160	14	150.00	"	"	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
161	15	150.00	"	"	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
162	16	150.00	"	"	4,000,000	600,000,000	120,000,000	500,000	30,000,000	
163	17	134.50	"	"	4,400,000	591,800,000	97,000,000	500,000	30,000,000	Lô góc
164	18	122.40	Đường QH DS7	14.0	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
165	19	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
166	20	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
167	21	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
168	22	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	
169	23	122.40	"	"	4,000,000	489,600,000	97,000,000	200,000	35,000,000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
170	24	134.50	Đường QH DS6	14.0	4,950,000	665,775,000	133,000,000	500,000	34,000,000	Lô góc
171	25	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
172	26	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
173	27	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
174	28	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
175	29	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
176	30	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
177	31	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
178	32	150.00	"	"	4,500,000	675,000,000	133,000,000	500,000	34,000,000	
Cộng		4,406.80	-	-	-	18,590,350,000	3,635,000,000	-	-	
Tổng cộng		24,257.60	-	-	-	137,307,060,000	26,475,000,000	-	-	

Người lập


Trần Đạt Nhân

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thanh Hồng